

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/DS-ST

Ngày: 11-01-2021

V/v “*Tranh chấp quyền sở hữu tài sản
và chia di sản thừa kế theo pháp luật*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Công Giáo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Dũng

2. Ông Võ Văn Ty

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 63/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2020, về việc “*Tranh chấp quyền sở hữu tài sản và chia di sản thừa kế theo pháp luật*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXX-DS ngày 23 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Q, sinh năm 1947; Địa chỉ: 682 đường V, khu vực T, phường H, thị xã A, tỉnh Bình Định, có mặt.

Bị đơn: Anh Lê Tiến V, sinh năm 1977; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu vực T, phường H, thị xã A, tỉnh Bình Định; Hiện trú tại: Thôn V, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Quốc H1, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn H, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Chị Lê Thị Thúy L1, sinh năm 1983; Địa chỉ: Khu vực T, phường H, thị xã A, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

3. Chị Lê Thị Thúy L2, sinh năm 1987; Địa chỉ: Khu vực T, phường H, thị xã A, tỉnh Bình Định, có mặt.

4. Cháu Lê Quang H2, sinh ngày 04/6/2009

5. Cháu Lê Quang H3, sinh ngày 07/10/2012

Người đại diện theo pháp luật của Lê Quang H2, Lê Quang H3: Chị Phạm Thị L3, sinh năm 1989 – là mẹ ruột

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị Q trình bày:*

Bà và ông Lê N (sinh 1946, chết 31/5/2017) xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 1973, có 05 người con chung là: Lê Tiến V; Lê Quang H4; Lê Quốc H1; Lê Thị Thúy L1; Lê Thị Thúy L2. Lê Quang H4 chết 01/3/2016 có 02 người con là Lê Quang H2 sinh ngày 04/6/2009, Lê Quang H3 sinh ngày 07/10/2012, hiện 02 cháu đang sống với mẹ là Phạm Thị L3. Ngoài năm người con kể trên, chồng bà không có con nuôi, con riêng. Cha mẹ chồng đều chết trước chồng.

Quá trình chung sống giữa bà và ông N tạo lập được một ngôi nhà cấp 4 diện tích 136,8m² thuộc thửa đất số 941, tờ bản đồ số 12 diện tích 764m² tại khu vực T, phường H, thị xã A, tỉnh Bình Định, đã được UBND huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 05/CNSH ngày 08/01/2001. Tháng 6/2019 AL, bà dỡ ngôi nhà cũ và xây mới một ngôi nhà hai tầng ngang 5,2m, dài 20m. Nguồn tiền xây cất nhà do bà chi trả. Hiện nhà đất thửa 941 do bà quản lý, sử dụng.

Năm 1993 Nhà nước cấp đất sản xuất cho hộ gia đình gồm 07 nhân khẩu: Lê N, Lê Thị Q, Lê Tiến V, Lê Quang H4, Lê Quốc H1, Lê Thị Thúy L1, Lê Thị Thúy L2 các thửa: Thửa 876 diện tích 1359m² đất ruộng, thửa 778 diện tích 1162m² đất ruộng, thửa 763 diện tích 608m² đất ruộng, đều thuộc tờ bản đồ số 12 ở khu vực T, phường H, thị xã A, tỉnh Bình Định, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00519 QSDĐ/I13 do UBND huyện A cấp ngày 08/9/1993. Nhà nước đã thu hồi một phần diện tích đất của thửa ruộng 778 còn 856m², và đo đạc lại diện tích thửa ruộng 876 còn 912m².

Ông Lê N chết không có lập di chúc, chưa phân chia tài sản chung và di sản của ông Lê N.

Bà yêu cầu phân chia tài sản chung là quyền sử dụng đất của bà và ông Lê N, và phân chia di sản thừa kế của ông Lê N theo quy định pháp luật, bà yêu cầu được sở hữu, sử dụng nhà đất thửa 941.

** Bị đơn anh Lê Tiến V trình bày:* Mọi quan hệ gia đình, tài sản cha mẹ tạo lập và tài sản chung của hộ gia đình anh thống nhất như lời khai của bà Lê Thị Q. Sau khi cha chết, gia đình thống nhất dỡ ngôi nhà cũ, xây mới ngôi nhà hai tầng ngang 5,2m, dài 20m. Nguồn tiền xây cất nhà do mẹ chi trả. Hiện nhà đất thửa 941 do mẹ quản lý.

Anh thống nhất phân chia tài sản chung là quyền sử dụng đất cấp theo định mức đất vườn, đất ruộng cho hộ gia đình và phân chia di sản thừa kế của cha theo quy định pháp luật, anh yêu cầu được nhận hiện vật để xây nhà thờ cúng ông bà vì anh là con trai cả.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Quốc H1, chị Lê Thị Thúy L1, chị Lê Thị Thúy L2 trình bày:* Thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của mẹ Lê Thị Q chia quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình và di sản thừa kế của cha theo quy định pháp luật. Quyền sử dụng đất được chia và phần di sản được nhận các anh chị tự nguyện tặng cho mẹ.

** Đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Quang H2, Lê Quang H3 – chị Phạm Thị L3 trình bày:* Thống nhất theo yêu cầu của mẹ chồng Lê Thị Q. Quyền sử dụng đất và di sản được chia cho các con Lê Quang H2, Lê Quang H3 tự nguyện tặng cho mẹ chồng Lê Thị Q.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên Tòa:

Về tố tụng: Hoạt động tố tụng của Tòa án trong quá trình thụ lý và tại phiên Tòa đều tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Q, chia di sản thừa kế của ông Lê N theo quy định pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất gồm: bà Lê Thị Q, anh Lê Tiến V, anh Lê Quang H4 (người thừa kế thế vị Lê Quang H2, Lê Quang H3), anh Lê Quốc H1, chị Lê Thị Thúy L1, chị Lê Thị Thúy L2; chia quyền sử dụng đất được cấp theo định mức cho các nhân khẩu trong hộ gia đình gồm ông Lê N, bà Lê Thị Q, anh Lê Tiến V, anh Lê Quang H4, anh Lê Quốc H1, chị Lê Thị Thúy L1, chị Lê Thị Thúy L2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị Q có đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung xác lập trong thời kỳ hôn nhân với ông Lê N, đồng thời chia di sản thừa kế tài sản của ông Lê N. Hình thức và nội dung đơn khởi kiện phù hợp với quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp chia tài sản chung và di sản thừa kế theo pháp luật quy định tại Điều 219, 660 Bộ luật Dân sự. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

[2] Việc xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện theo pháp luật: Sau khi trình bày bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh Lê Quốc H1 và chị Phạm Thị L3 có đơn xin vắng mặt không tham gia việc định giá tài sản, không tham dự phiên tòa. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Thời điểm, địa điểm mở thừa kế: Theo trích lục khai tử số 112/TLKT-BS ngày

02/8/2017 của UBND phường Nhơn Hòa xác nhận ông Lê N (sinh ngày 30/01/1946) chết ngày 31/5/2017 tại khu vực T, phường H, thị xã A, tỉnh Bình Định nên thời điểm mở thừa kế được xác định là ngày 31/5/2017, địa điểm mở thừa kế tại khu vực T, phường H, thị xã A, tỉnh Bình Định.

[4] Xác định diện, hàng, người thừa kế theo pháp luật: Ông Lê N và bà Lê Thị Q có 05 người con chung là anh Lê Tiến V (sinh năm 1977); anh Lê Quang H4 (sinh năm 1978); anh Lê Quốc H1 (sinh năm 1980); chị Lê Thị Thúy L1 (sinh năm 1983); chị Lê Thị Thúy L2 (sinh năm 1987). Ngoài năm người con chung, ông Lê N, bà Lê Thị Q không có con nuôi, con riêng. Như vậy hàng thừa kế thứ nhất là bà Lê Thị Q, anh Lê Tiến V, anh Lê Quang H4, anh Lê Quốc H1, chị Lê Thị Thúy L1, chị Lê Thị Thúy L2. Anh Lê Quang H4 chết trước ông Lê N nên các con của anh Lê Quang H4 là Lê Quang H2 (sinh năm 2009), Lê Quang H3 (sinh năm 2012) được thừa kế thế vị hưởng phần di sản mà anh Lê Quang H4 được hưởng nếu còn sống.

[5] Di sản thừa kế: Di sản của ông Lê N là quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích đất ở thuộc thửa 941, tờ bản đồ số 12 và quyền sử dụng đất trồng cây lâu năm, đất trồng lúa theo định mức được giao trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00519 QSDĐ/I₁₃ ngày 08/9/1993. Ông Lê N chết không lập di chúc định đoạt tài sản nên di sản của ông được chia thừa kế theo pháp luật.

[6] Tài sản thuộc sở hữu chung: Bà Lê Thị Q xác lập quan hệ vợ chồng với ông Lê N vào năm 1973. Trong thời gian sống chung, vợ chồng bà Lê Thị Q, ông Lê N tạo lập được 1 ngôi nhà cấp 4 xây dựng trên thửa đất có số hiệu 941, tờ bản đồ số 12 diện tích 764m² (gồm 200m² đất ở và 564m² đất trồng cây lâu năm) tại khu vực T, phường H, thị xã A, tỉnh Bình Định đã được UBND huyện A (nay là thị xã A) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở. Như vậy, quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Lê Thị Q, ông Lê N. Hiện nay ngôi nhà cấp 4 của vợ chồng hư hỏng, bà Lê Thị Q đã tháo dỡ không còn hiện trạng. Ngôi nhà mới xây dựng là tài sản thuộc sở hữu riêng của bà Lê Thị Q.

[7] Năm 2005, anh Lê Quang H4 xây dựng ở góc Tây Bắc thửa 941 một ngôi nhà cấp loại N6 diện tích 38,1m², được định giá 37.490.400đ. Sau khi anh Lê Quang H4 chết, chị Lê Thị Thúy L2 sử dụng ngôi nhà này. Tại phiên tòa, chị Lê Thị Thúy L2 thống nhất giao lại ngôi nhà cho bà Lê Thị Q sở hữu. Bà Lê Thị Q tự nguyện thanh toán giá trị ngôi nhà cho các con của anh Lê Quang H4, sự thỏa thuận này phù hợp với quy định pháp luật nên ghi nhận.

[8] Diện tích đất trồng cây lâu năm và diện tích đất trồng lúa được cân đối theo định mức trên sổ nhân khẩu trong gia đình ông Lê N tại thời điểm giao đất là quyền sử dụng của các thành viên trong hộ gia đình gồm ông Lê N, bà Lê Thị Q, anh Lê Tiến V,

anh Lê Quang H4, anh Lê Quốc H1, chị Lê Thị Thúy L1, chị Lê Thị Thúy L2.

[9] Năm 1993, khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND huyện A đã công nhận hộ gia đình ông Lê N sử dụng 764m² thửa 941, tờ bản đồ số 12 tại khu vực T, phường H, thị xã A, tỉnh Bình Định. Tháng 8/2015, chính quyền địa phương thu hồi 51,7m² để phục vụ công trình giao thông, diện tích còn 712,3m². Kết quả đo đạc theo hiện trạng của Hội đồng định giá ngày 06/8/2020 diện tích thửa đất hiện nay gia đình bà Lê Thị Q đang sử dụng 986,4m². Ngày 19/8/2020, Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn đã gửi công văn số 105/CV-TA đến Ủy ban nhân dân phường H để xác minh việc sử dụng đất của gia đình bà Lê Thị Q. Ngày 05/11/2020, Ủy ban nhân dân phường H đã có công văn số 115/UBND xác định căn cứ vào ranh giới sử dụng đất được xác định theo sơ đồ và giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở do UBND huyện A cấp ngày 08/01/2001 thì công nhận diện tích thửa đất 941, tờ bản đồ số 12 là 817m² (có 306,4m² đất nằm trong hành lang an toàn giao thông) do gia đình ông Lê N sử dụng ổn định từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không có tranh chấp. Đối với diện tích đất nằm trong hành lang an toàn giao thông theo khoản 3 Điều 157 Luật đất đai quy định người đang sử dụng đất được pháp luật thừa nhận mà đất nằm đó nằm trong hành lang bảo vệ an toàn công trình thì được tiếp tục sử dụng đất theo đúng mục đích đã được xác định, không được gây cản trở việc bảo vệ an toàn công trình.

[10] Chia tài sản thuộc sở hữu chung vợ chồng và quyền sử dụng đất các thành viên gia đình thửa 941, diện tích được công nhận 817m²:

Phần đất ở (200m²): Bà Lê Thị Q và ông Lê N mỗi người được 100m².

Phần đất trồng cây lâu năm (617m² trong đó có 310,6m² nằm trong hành lang an toàn giao thông): Bà Lê Thị Q, ông Lê N, anh Lê Tiến V, anh Lê Quang H4, anh Lê Quốc H1, chị Lê Thị Thúy L1, chị Lê Thị Thúy L2 mỗi người được sử dụng 88,14m² (có 44,37m² nằm trong hành lang an toàn giao thông).

Phần đất ruộng: thửa 876, diện tích đo đạc lại theo thực tế 912m²; thửa 778 diện tích còn lại sau thu hồi 856m²; thửa 763 diện tích 608m², tổng cộng 2.376m². Bà Lê Thị Q, ông Lê N, anh Lê Tiến V, anh Lê Quang H4, anh Lê Quốc H1, chị Lê Thị Thúy L1, chị Lê Thị Thúy L2 mỗi người được sử dụng 339,4m².

[11] Chia di sản thừa kế: Quyền sử dụng đất của ông Lê N được chuyển thành di sản và chia thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất gồm 6 phần như sau: đất ở mỗi phần 16,66m²; đất trồng cây lâu năm mỗi phần 14,69m², đất ruộng mỗi phần 56,56m². Bà Lê Thị Q, anh Lê Tiến V, anh Lê Quang H4, anh Lê Quốc H1, chị Lê Thị Thúy L1, chị Lê Thị Thúy L2 được hưởng phần thừa kế ngang nhau, mỗi người được chia 16,66m² đất ở, 14,69m² đất trồng cây lâu năm và 56,56m² đất ruộng.

[12] Anh Lê Quốc H1, chị Phạm Thị L3 (người đại diện theo pháp luật của Lê

Quang H2, Lê Quang H3), chị Lê Thị Thúy L1, chị Lê Thị Thúy L2 tự nguyện tặng cho phần diện tích được chia theo định mức giao quyền đất trồng cây lâu năm, đất ruộng và phần hưởng di sản thừa kế cho bà Lê Thị Q. Như vậy, công phần được chia trong tài sản chung, phần hưởng thừa kế di sản của ông Lê N, phần của các con tặng cho bà Lê Thị Q được sử dụng 183,3m² đất ở (gồm 100m² tài sản riêng, 16,66m² được hưởng thừa kế và 66,64m² được tặng cho), 514,2m² đất trồng cây lâu năm (gồm 88,14m² được chia theo định mức, 14,69m² được hưởng thừa kế và 411,37m² được tặng cho) và 1.979,8m² đất ruộng (gồm 339,4m² được chia theo định mức, 56,56m² được hưởng thừa kế và 1.583,84m² được tặng cho).

[13] Anh Lê Tiến V được nhận 16,7m² đất ở hưởng thừa kế, 102,8m² đất trồng cây lâu năm (gồm 88,14m² được chia theo định mức và 14,66m² được hưởng thừa kế), 395,96m² đất ruộng (gồm 339,4m² được chia theo định mức và 56,56m² được hưởng thừa kế).

[14] Án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội,

- Bà Lê Thị Q được miễn nộp án phí vì là người cao tuổi.
- Anh Lê Tiến V được nhận phần tài sản có giá trị (16,7m² đất ở x 10.000.000đ/m² + 102,8m² đất trồng cây lâu năm x 2.000.000đ/m² + 395,96m² x 82.000đ/m²) = 405.068.720đ nên phải chịu án phí 20.000.000đ + 4% x 5.068.720đ = 20.202.000đ.

[15] Lệ phí đo đạc định giá tài sản 3.000.000đ, bà Lê Thị Q phải chịu 2.000.000đ, anh Lê Tiến V phải chịu 1.000.000đ. Bà Lê Thị Q đã nộp tạm ứng nên buộc anh Lê Tiến V có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lê Thị Q 1.000.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 147, 227, 264, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 212, 213, 219, 649, 650, 651, 652, 660 Bộ luật dân sự; Áp dụng Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 2, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1/ Tài sản thuộc quyền sở hữu và quyền sử dụng của bà Lê Thị Q là: Ngôi nhà cấp loại N3 (diện tích nền 73,7m² có 40,1m² nằm trong hành lang an toàn giao thông đường bộ), cấp loại N5 (diện tích nền 52m²), tổng diện tích 125,7m² xây dựng tháng 6/2019 và 100m² đất ở, 88,14m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất 941, tờ bản đồ số 12 tại khu vực T, phường H, thị xã A, tỉnh Bình Định; Tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Lê N là 100m² đất ở, 88,14m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất 941, tờ bản đồ

số 12 tại khu vực T, phường H, thị xã A, tỉnh Bình Định.

2/ Giao cho bà Lê Thị Q được sở hữu ngôi nhà cấp loại N6 diện tích 38,1m² do anh Lê Quang H4 xây dựng ở góc Tây Bắc thửa đất 941, tờ bản đồ số 12. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà Lê Thị Q có nghĩa vụ thanh toán cho các con của anh Lê Quang H4 là Lê Quang H2, Lê Quang H3 37.490.400đ giá trị ngôi nhà.

3/ Quyền sử dụng đất trồng cây lâu năm được cấp theo định mức thửa 941, tờ bản đồ số 12 tại khu vực T, phường H, thị xã A, tỉnh Bình Định cho anh Lê Tiến V, anh Lê Quang H4, anh Lê Quốc H1, chị Lê Thị Thúy L1, chị Lê Thị Thúy L2 mỗi người được sử dụng 88,14m².

4/ Quyền sử dụng đất trồng lúa được cấp theo định mức cho bà Lê Thị Q, ông Lê N, anh Lê Tiến V, anh Lê Quang H4, anh Lê Quốc H1, chị Lê Thị Thúy L1, chị Lê Thị Thúy L2 mỗi người được sử dụng 339,4m².

5/ Quyền sử dụng đất ở (100m²), đất trồng cây lâu năm (88,14m²), đất trồng lúa (339,4m²) của ông Lê N là di sản thừa kế được chia thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất gồm: bà Lê Thị Q, anh Lê Tiến V, anh Lê Quang H4, anh Lê Quốc H1, chị Lê Thị Thúy L1, chị Lê Thị Thúy L2 mỗi người được chia 16,66m² đất ở, 14,69m² đất trồng cây lâu năm và 56,56m² đất trồng lúa.

6/ Anh Lê Quang H4 chết trước ông Lê N nên các con của anh Lê Quang H4 là Lê Quang H2 sinh năm 2009, Lê Quang H3 sinh năm 2012 là người thừa kế thế vị. Người đại diện theo pháp luật cho Lê Quang H2, Lê Quang H3 là chị Phạm Thị L3.

7/ Ghi nhận sự tự nguyện tặng cho kỷ phần được hưởng thừa kế từ di sản ông Lê N và phần được chia theo định mức của chị Phạm Thị L3, anh Lê Quốc H1, chị Lê Thị Thúy L1, chị Lê Thị Thúy L2 cho bà Lê Thị Q sử dụng.

8/ Chia cho anh Lê Tiến V được sử dụng 119,5m² (gồm 16,7m² đất ở, 102,8m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa 941 (trong đó có 47,6m² đất nằm trong hành lang an toàn giao thông) có giới cận: Đông giáp vách nhà bà Lê Thị Q; Tây giáp đất thửa 941; Nam giáp lộ giới quốc lộ 19; Bắc giáp đất thửa 941 và 395,96m² của thửa ruộng số 876 thuộc tờ bản đồ số 12 ở khu vực T, phường H, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

9/ Bà Lê Thị Q được sử dụng 697,5m² (gồm 183,3m² đất ở và 514,2m² đất trồng cây lâu năm) còn lại thuộc thửa 941 (trong đó có 258,8m² đất nằm trong hành lang an toàn giao thông) và các thửa ruộng số 778 diện tích 856m²; thửa ruộng số 763 diện tích 608m² và 516,04m² của thửa ruộng số 876, đều thuộc tờ bản đồ số 12 ở khu vực T, phường H, thị xã A, tỉnh Bình Định.

(Có sơ đồ phân chia kèm theo)

10/ Án phí:

10.1/ Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lê Thị Q theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi, điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

10.2/ Anh Lê Tiến V phải chịu 20.202.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

11/ Lệ phí đo đạc định giá tài sản 3.000.000đ, bà Lê Thị Q phải chịu 2.000.000đ, anh Lê Tiến V phải chịu 1.000.000đ. Bà Lê Thị Q đã nộp tạm ứng nên buộc anh Lê Tiến V có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lê Thị Q 1.000.000đ.

12/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã An Nhơn;
- Chi cục THADS TX An Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Phan Công Giáo